TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1991, vắng mặt;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 102, tổ 3, ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Cư trú tại: Tổ 4, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Lộc, sinh năm 1988, vắng mặt;

Cư trú tại: Số nhà 123, tổ 5, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, từ năm 2016 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh L không quan tâm đến vợ con, không phụ giúp chị lo kinh tế trong sinh hoạt gia đình và có quan hệ ngoại tình. Anh chị không còn chung sống vợ chồng từ tháng 12/2018 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L chung sống có 01 con chung Nguyễn Tiến N, sinh ngày 18/6/2016. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng anh L không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai và không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 68, 96, 97, 98, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến N. Chị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Qua tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị T, anh L chung sống có nhiều mâu thuẫn, do anh L không quan tâm, phụ giúp chị T lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và có dư luận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị không còn chung sống từ tháng 12/2018 đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Tiến N. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị Mai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L và chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến L vì anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con, không phụ giúp chị về kinh tế trong gia đình và có quan hệ ngoại tình. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: Quá trình chung sống giữa chị T và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay. Từ tháng 12/2018, anh L bỏ đi sống riêng, để mặc một mình chị T tự nuôi con, chăm lo cho gia đình. Anh L không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, không chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình cùng chị T là vi phạm quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, tuy không có căn cứ xác định anh L ngoại tình theo lời khai của chị T nhưng có dư luận xấu về việc anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy anh L và chị T đã không sống chung từ tháng 12/2018 đến nay, hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai T đối với anh Nguyễn Tiến L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Tiến L có 01 con chung Nguyễn Tiến N, sinh ngày 18/6/2016, hiện đang được chị T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N thấy rằng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh L đều vắng mặt. Xét thấy tính đến ngày xét xử cháu N chỉ được 36 tháng 15 ngày tuổi, trong quá trình chị T và anh L không sống chung, cháu N vẫn được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, căn cứ vào các điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Mai T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh

L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Mai T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tiến N, sinh ngày 18/6/2016. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Mai T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0006092 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- UBND xã Vĩnh Kim;
- Lưu hồ sơ (L).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Oanh Kiều